TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/DS-PT
Ngày: 24 - 4 - 2019
V/v *"Yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu ".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Đào

*Các thẩm phán:*Ông Bùi Đình Thông; ông Hồ Đức Quang

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Thuần – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2018/TLPT-DS ngày 02/01/2019 về *"Yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu".*

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST, ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số 11/2019/TB-TA ngày 12/4/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**; Trú tại: tổ 6, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hậu Đ; Trú quán: Tổ 4, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (văn bản ủy quyền ngày 24/12/2018), có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Tuyết M** (theo CMND Nguyễn Thị Tuyết M); Trú tại: 195/11/8 Hoàng Văn T, phường 7, thành phố V, tỉnh B, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc T, trú tại: Số nhà 08, ngõ 103, đường T, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (văn bản ủy quyền ngày 12/6/2018), có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Ngọc T, Trú tại: Số nhà 08, ngõ 103, đường T, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Ngọc T: Bà Phạm Quỳnh T, luật sư Công ty Luật TNHH T, địa chỉ: số 75, đường Nguyễn Chí T, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

- UBND phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh:

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Văn Thị N, công chức địa chính UBND phường B, thành phố H (văn bản ủy quyền ngày 23/4/2019), có mặt.

- Bà Trần Thị N; Trú tại: tổ 5, phường N, Thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

- Anh Hoàng Đức A; Trú tại: tổ 5, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh

- Chị Hoàng Thị Thanh T; Trú tại: tổ 13, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện hợp pháp của bà N, anh A và chị T: Bà Nguyễn Thị H; Trú tại: tổ 6, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (Văn bản ủy quyền ngày 14/9,18/9/2018), Vắng mặt.

** Người làm chứng:*

- Ông Bùi Xuân H; Trú tại: khối phố T, phường V, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Tố H; Trú tại: khối phố T, phường V, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Ngọc T; Trú tại: tổ 7, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Thanh H; Trú tại: tổ 14, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (nguyên cán bộ địa chính phường B), vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Kim L; Trú tại: tổ 13, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (nguyên chủ tịch UBND phường B), vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị T; phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (nguyên kế toán UBND phường B), vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị H; tổ 10, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (Nguyên thủ quỹ UBND phường B), vắng mặt.

- Ông Trần Hữu T; Trú tại: số 135, đường Nguyễn Công T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (nguyên chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp Đ), vắng mặt.

* Đại diện UBND phường T, thành phố H: Ông Điện Minh T - Phó chủ tịch, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh vụ án có nội dung như sau:

- *Bà Nguyễn Thị H trình bày*: Năm 1994 ông Bùi Xuân H – Bác sỹ Trung tâm y tế thị xã Hà Tĩnh được cấp lô đất số 67 ở vùng B thuộc phường B, thành phố H.

Sau khi được cấp đất ông H đã chuyển nhượng lại cho chồng của bà là ông Hoàng Minh H và thiết lập giấy chuyển nhượng viết tay. Năm 1995 bà đánh đề với bà Nguyễn Thị Tuyết M và thua 15 triệu đồng, bà đã trả cho bà M 7.000.000 đồng còn nợ 8.000.000 đồng, ngày 05/11/1995 âm lịch tức ngày 26/12/1995 bà viết giấy với nội dung có nợ chị M 8.000.000 đồng tiền đánh đề chưa có trả giao lại chị M giấy tờ đất để làm tin trong 2 tháng sẻ trả và chuộc lại giấy tờ đất gồm: Đơn xin cấp đất ở, hóa đơn thu tiền biên bản giao đất, giấy chuyển nhượng đất, nếu không trả đủ tiền thì quyền sử dụng đất hoặc bán kèm chữ ký của tôi. Sau đó bà M viết giấy chuyển nhượng và giao lại giấy tờ đất cho em trai Nguyễn Ngọc T. Năm 2002, Uỷ ban nhân dân phường B thông báo trên đài truyền hình Hà Tĩnh giải quyết đất tồn đọng ở khu vực B nên bà đã đến UBND phường mang theo 02 tờ gốc ô 67 và giao cho UBND phường B bộ hồ sơ nợ tiền đề 8.000.000 đồng. UBND phường B cho bà nộp 1.000.000 đồng để bắt thăm lại được ô số 05 (UBND phường đã lập biên bản giao đất ô số 05). Năm 2005, UBND phường thông báo tổ chức bắt lại bà bắt được ô số 08 và phường đã lập hồ sơ đất mang tên Hoàng Minh H. Năm 2012 do xác lập lại địa giới hành chính nên UBND phường B trả hồ sơ đất tồn đọng xuống phường T giải quyết thì bà bắt được ô số 57, khi đến nộp hồ sơ để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được thông báo đất có tranh chấp nên các cấp có thẩm quyền không thể làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2014 chồng bà là ông Hoàng Minh H mất. Nay bà khởi kiện yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự giữa bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Tuyết M, giữa bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Ngọc T vô hiệu vì vi phạm điều cấm của pháp luật, yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết M, ông Nguyễn Ngọc T trả lại toàn bộ giấy tờ liên quan đến thửa đất cho bà.

- *Theo bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc T trình bày:* Trước đây bà H nợ bà M 8.000.000 đồng tiền bà M trúng đề, bà H không có trả nên viết giấy và giao lại giấy tờ đất như bà H đã trình bày trên. Ngày 06/8/1996 bà H viết giấy chuyển nhượng và giao lại giấy tờ đất cho bà. Năm 2012 bà nộp hồ sơ tại UBND phường T được phường cho bắt thăm trúng lô đất số 67 tại khu quy hoạch dân cư B, phường T. Lô đất trên là thuộc quyền sử dụng của bà. Bà M không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Bà Nguyễn Thị H người đại diện theo ủy quyền của bà N và anh A, chị T trình bày:* Ngày 10/10/1995 anh Bùi Xuân H chuyển nhượng lại cho anh Hoàng Minh H (con bà N, bố của anh A và chị T) lô đất nói trên, sau đó bà H đã gán nợ tiền đề cho bà M. Ông H chết không để lại di chúc, đồng ý bà H khởi kiện yêu cầu giao dịch dân sự giữa bà H và bà M, giữa bà M và anh T vô hiệu và không có yêu cầu gì.

- *Đại diện UBND phường B trình bày:* Theo hồ sơ giao đất cho ông Bùi Xuân H gồm có phiếu thu số 185 ngày 18/6/1994 ông Bùi Xuân H nộp 2.500.000 đồng tiền cấp đất do ông Bùi Xuân H trực tiếp nộp, người thu là bà Nguyễn Thị H nguyên thủ quỹ phường, kế toán lập chứng từ bà Nguyễn Thị T nguyên kế toán phường, thủ trưởng đơn vị bà Nguyễn Thị Kim L nguyên Chủ tịch phường, chứng từ thu đã được ghi vào sổ quỹ năm 1994 theo đúng quy định, đơn xin giao đất làm nhà ở mang tên ông Bùi Xuân H ngày 10/5/1994, biên bản giao đất làm nhà ở số 67 ngày 20/6/1994 cho ông Bùi Xuân H lô đất số 67 khu dân cư B. Ngày 10/10/1995 ông H

chuyển nhượng cho ông Hoàng Minh H không làm thủ tục qua phường. Ngày 05/11/1995 âm lịch bà Nguyễn Thị H vợ ông Hoàng Minh H đã dùng giấy tờ trên gán nợ cho bà Nguyễn Thị M. Trong quá trình giải quyết đơn thư của bà H nắm bắt xác minh bà M đã giao lại giấy tờ lô đất trên cho em trai là Nguyễn Ngọc T, năm 2012 UBND phường T thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để giải quyết hồ sơ tồn đọng, ông T đã đưa hồ sơ gốc mang tên Bùi Xuân H và giấy gán nợ của bà H đến phường làm kê khai thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hộ ông Hoàng Minh H (bà H) cũng làm hồ sơ kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trái thẩm quyền nhưng không có hồ sơ gốc chỉ có bản phô tô gồm biên bản giao đất làm nhà ở ngày 20/6/1994, biên lai thu tiền ngày 06/01/1996 (ông Hoàng Minh H nộp 1.000.000 đồng thu đóng góp phúc lợi địa phương), biên bản giao đất ngày 29/5/2002, trích lục bản đồ địa chính đơn xin hợp thức hóa ngày 22/5/2003, sơ đồ kích thước ranh giới lô đất mang tên Hoàng Minh H. Do đất không thuộc địa bàn phường quản lý nên phường không thụ lý giải quyết tuy nhiên UBND phường B được UBND phường T mời tham gia giải quyết tranh chấp đất giữa bà M và ông T. Do quá trình lưu trữ và bàn giao hồ sơ qua các thời kỳ cán bộ địa chính hiện UBND phường không có hồ sơ lưu trữ vùng đất B cũng như hồ sơ liên quan đến lô đất số 67 nói trên.

Với nội dung vụ án trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 131, 136, 137, 146, 395 Bộ luật dân sự năm 1995; Căn cứ Điều 6, 30 Luật đất đai năm 1993, xử:

1. Tuyên bố giao dịch xác lập ngày 05/11/1995 âm lịch tức ngày 26/12/1995 giữa bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M) và giấy chuyển nhượng đất 06/8/1996 giữa bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Ngọc T vô hiệu.

2. Buộc ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Tuyết M phải trả lại cho bà Nguyễn Thị H 04 loại giấy gồm: Đơn xin đất làm nhà ở gia đình ngày 04/02/1994 người làm đơn Bùi Xuân H; Giấy chuyển nhượng đất ngày 10/10/1995 chủ hộ ký Bùi Xuân H; Phiếu thu số 185 ngày 18/6/1994 do UBND phường B thu tiền ký xác nhận; Biên bản giao đất làm nhà ở số 67/BCĐ ngày 20/6/1994 của UBND phường B, thị xã H (nay là thành phố H).

Do 04 tài liệu gốc trên đang lưu tại hồ sơ vụ án nên khi bản án có hiệu lực pháp luật Tòa án sẻ chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố H thi hành theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo, kháng nghị.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc T kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: Cấp sơ thẩm tuyên hợp đồng giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên vô hiệu là đúng, tuy nhiên căn cứ tuyên vô hiệu là chưa đúng. Cấp sơ thẩm nhận định việc bà H, bà M đánh bạc là chưa có cơ sở vì chỉ dựa vào lời khai, giấy tờ do bà H viết, không có tài liệu bà M thừa nhận đánh đề.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự, đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung đơn kháng cáo của người liên quan và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận nội dung kháng cáo của người liên quan giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các đương sự:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật và thụ lý giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng, đầy đủ tư cách của những người tham gia tố tụng.

[2] Xét kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc T, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[2.1] Ngày 05/11/1995, giữa bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Tuyết M xác lập một giao dịch dân sự bằng giấy viết tay với nội dung "Tôi có nợ chị Nguyễn Thị Tuyết M số tiền tám triệu đồng trong lúc đánh đề với nhau, tôi chưa có tiền trả cho chị M nên tôi cầm lại giấy đất để làm tin". Sau đó bà M viết giấy chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Ngọc T, xét thấy giao dịch chuyển nhượng đất giữa bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Ngọc T là thửa đất do UBND phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh giao, nhưng UBND phường Bắc Hà không có thẩm quyền giao đất, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 13/7/2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh, nên giao dịch giữa bà M và ông T vi phạm Điều 6, Điều 30 Luật đất đai năm 1993 (tương ứng với Điều 6, Điều 30 Luật đất đai năm 2001, Điều 106 Luật đất đai năm 2003; Điều 167, 168 Luật đất đai năm 2014). Do đó, giao dịch giữa bà M và ông T theo quy định tại Điều 131, 136, 137, Bộ luật dân sự năm 1995 (tương ứng với các Điều 122,128,410 Bộ luật Dân sự 2005, Điều 117,122,123 Bộ luật Dân sự 2015) thì chuyển nhượng đất giữa bà M với ông T vô hiệu.

Mặt khác giữa bà H và bà M có giao dịch cầm cố do thua đề là hành vi trái pháp luật nên không được bảo vệ, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hai bên là vô hiệu (thể hiện tại biên bản cầm cố giấy tờ đất do thua đề giữa bà H và bà M đề ngày 05/11/1995 do bà M giữ, sau đó giao lại cho ông T và ông T trực tiếp nộp cho Tòa án, là nguồn chứng cứ do phía bị đơn cung cấp). Ông T và bà M không bên nào xuất trình giấy tờ nhận tiền chuyển nhượng đất và quá trình giải quyết

không ai yêu cầu bồi thường thiệt hại nên miễn xét về hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự có xuất trình về việc có hai Biên bản giao đất làm nhà ở cùng số 67, cùng ngày 20/6/1994, cùng thửa đất được UBND phường B giao cho hai hộ khác nhau là Bùi Xuân H và Hoàng Minh H. Hội đồng xét xử xét thấy đây là thiếu sót của chính quyền địa phương trong quá trình quản lý đất đai. Tuy nhiên hai biên bản giao đất này không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Nguyễn Ngọc T. Quá trình xét xử sơ thẩm ông Bùi Xuân H cũng cho rằng không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông nên không đề nghị xem xét. Tòa án nhân dân thành phố H công nhận hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông Bùi Xuân H và ông Hoàng Minh H (chồng bà Nguyễn Thị H) hợp pháp là có căn cứ. Do đó việc tòa án cấp sơ thẩm buộc bà M và ông T trả lại giấy tờ đã nhận cho bà H là có căn cứ.

Từ những lập luận trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Ngọc T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

1. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Ngọc T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 131, 136, 137, 146, 395 Bộ luật dân sự năm 1995; Căn cứ Điều 6, 30 Luật đất đai năm 1993, xử:

- Tuyên bố giao dịch xác lập ngày 05/11/1995 âm lịch tức ngày 26/12/1995 dương lịch giữa bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M) và giấy chuyển nhượng đất ngày 06/8/1996 giữa bà Nguyễn Thị Tuyết Mai và ông Nguyễn Ngọc T vô hiệu.

- Buộc ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Tuyết M phải trả lại cho bà Nguyễn Thị H 04 loại giấy gồm: Đơn xin đất làm nhà ở gia đình ngày 04/02/1994 người làm đơn Bùi Xuân H; Giấy chuyển nhượng đất ngày 10/10/1995 chủ hộ ký Bùi Xuân H; Phiếu thu số 185 ngày 18/6/1994 do UBND phường B thu tiền ký xác nhận; Biên bản giao đất làm nhà ở số 67/BCĐ ngày 20/6/1994 của UBND phường B, thị xã H (nay là thành phố H).

Do 04 tài liệu gốc trên đang lưu tại hồ sơ vụ án nên khi bản án có hiệu lực pháp luật Tòa án sẽ chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố H thi hành theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí, lệ phí

- Án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị H 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000941 ngày 24/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBNTQH buộc anh Nguyễn Ngọc T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001087 ngày 13/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

4. *"Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TA, THA sơ thẩm;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Đào